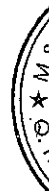


BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ I.P.A

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017
(đã được soát xét)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Hội đồng quản trị	02 - 03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04
Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét	05 - 29
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	08
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	09 - 29



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

CÔNG TY

Công ty CP Tập đoàn Đầu tư I.P.A được thành lập ngày 28/12/2007 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103021608 với số vốn điều lệ đăng ký là 600 tỷ đồng trên cơ sở chuyển đổi từ Công ty TNHH Đầu tư và Tài chính I.P.A - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 042493 do Sở kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 9/3/1998.

Ngày 31/12/2007, Công ty CP Tập đoàn Đầu tư I.P.A nhận sáp nhập với Công ty CP Đầu tư I.P.A theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103010725 do Sở kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 19/1/2006 với tỷ lệ sáp nhập là 1:1. Tại thời điểm nhận sáp nhập, vốn điều lệ thực góp của Công ty CP Tập đoàn Đầu tư I.P.A là 426.647.450.000 đồng, vốn điều lệ của Công ty CP Đầu tư I.P.A là 173.352.550.000 đồng, thặng dư vốn là 370,876 tỷ đồng. Sau khi sáp nhập thì vốn điều lệ của Công ty CP Tập đoàn Đầu tư I.P.A vẫn giữ nguyên là 600 tỷ đồng và thặng dư vốn phát sinh là 370,867 tỷ đồng.

Ngày 20/11/2008, Công ty CP Tập đoàn Đầu tư I.P.A nhận sáp nhập với Công ty CP Các đối tác Tài chính I.P.A theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 01030225325 do Sở kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 22/02/2008 với tỷ lệ sáp nhập là 1:1. Tại thời điểm nhận sáp nhập, vốn điều lệ thực góp của Công ty CP Tập đoàn Đầu tư I.P.A là 600.000.000.000 đồng và vốn điều lệ thực góp của Công ty CP Các đối tác Tài chính I.P.A là 59.999.800.000 đồng và do một cổ đông duy nhất là Công ty CP Tập đoàn Đầu tư I.P.A thực hiện góp vốn. Khi nhận sáp nhập thì Công ty CP Tập đoàn Đầu tư I.P.A không phát hành thêm cổ phần mới, vốn điều lệ của Công ty vẫn giữ nguyên là 600 tỷ đồng.

Ngày 14/02/2017, Công ty đăng ký thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 7, theo đó vốn điều lệ của Công ty tăng từ 600.000.000.000 đồng lên 890.982.480.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 1, phố Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Hiền	Chủ tịch	
Bà Phạm Minh Hương	Thành viên	
Bà Đỗ Thanh Hương	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 31/05/2017)
Ông Vũ Hoàng Việt	Thành viên	
Bà Lê Hương Mai	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 31/05/2017)
Bà Nguyễn Ngọc Thanh	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 31/05/2017)
Bà Vũ Nam Hương	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 31/05/2017)

Thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Hiền	Tổng Giám đốc
-------------	---------------

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Hồng Khánh	Trưởng ban	(Miễn nhiệm ngày 31/05/2017)
Bà Nguyễn Thị Kim Ngọc	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 31/05/2017)
Ông Vương Văn Tường	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 31/05/2017)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Hội đồng quản trị Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Hội đồng quản trị Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Hội đồng quản trị Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.



Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người đại diện theo pháp luật

Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2017

100
101
102
103
104
105
106
107
108
109
110
111
112
113
114
115
116
117
118
119
120
121
122
123
124
125
126
127
128
129
130
131
132
133
134
135
136
137
138
139
140
141
142
143
144
145
146
147
148
149
150
151
152
153
154
155
156
157
158
159
160
161
162
163
164
165
166
167
168
169
170
171
172
173
174
175
176
177
178
179
180
181
182
183
184
185
186
187
188
189
190
191
192
193
194
195
196
197
198
199
200

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Quý cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A được lập ngày 25 tháng 08 năm 2017, từ trang 5 đến trang 29, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Hội đồng quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư IPA tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.



Nguyễn Mạnh Cường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0744-2013-002-1
Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

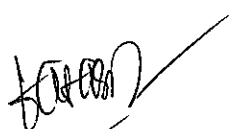
Mã số TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
100 A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		49.874.681.711	70.639.856.403
110 I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	1.577.492.420	17.564.835.506
111 1. Tiền		1.577.492.420	564.835.506
112 2. Các khoản tương đương tiền		-	17.000.000.000
120 II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		6.350.000.000	6.350.000.000
123 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4	6.350.000.000	6.350.000.000
130 III. Các khoản phải thu ngắn hạn		41.699.265.532	46.410.452.355
131 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		702.755.384	7.200.000
132 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		1.090.209.280	1.051.789.121
135 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	38.958.995.513	35.483.448.513
136 6. Phải thu ngắn hạn khác	5	1.256.300.868	10.201.463.234
137 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(308.995.513)	(333.448.513)
150 V. Tài sản ngắn hạn khác		247.923.759	314.568.542
151 1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	32.268.644	50.169.591
152 2. Thuế GTGT được khấu trừ		215.655.115	264.398.951
200 B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.078.985.967.901	1.121.480.513.444
210 I. Các khoản phải thu dài hạn		1.800.000.000	1.800.000.000
216 6. Phải thu dài hạn khác	5	1.800.000.000	1.800.000.000
220 II. Tài sản cố định		1.465.909.315	1.583.182.039
221 1. Tài sản cố định hữu hình	9	1.465.909.315	1.583.182.039
222 - Nguyên giá		3.355.778.824	3.355.778.824
223 - Giá trị hao mòn lũy kế		(1.889.869.509)	(1.772.596.785)
227 3. Tài sản cố định vô hình	10	-	-
228 - Nguyên giá		1.502.155.950	1.502.155.950
229 - Giá trị hao mòn lũy kế		(1.502.155.950)	(1.502.155.950)
240 IV. Tài sản dở dang dài hạn		5.564.717.571	5.564.717.571
242 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	8	5.564.717.571	5.564.717.571
250 V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	1.069.183.420.810	1.111.049.516.158
251 1. Đầu tư vào công ty con		1.045.896.808.183	1.044.224.820.683
252 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		7.596.330.703	58.401.380.703
253 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		46.376.032.500	46.376.032.500
254 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(30.685.750.576)	(37.952.717.728)
260 VI. Tài sản dài hạn khác		971.920.205	1.483.097.676
261 1. Chi phí trả trước dài hạn	11	971.920.205	1.483.097.676
270 TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.128.860.649.612	1.192.120.369.847

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

(tiếp theo)

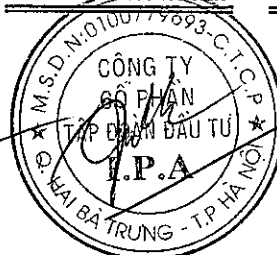
Mã số NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
300 C. NỢ PHẢI TRẢ		79.312.264.830	173.758.978.950
310 I. Nợ ngắn hạn		50.868.114.751	145.314.828.871
311 1. Phải trả người bán ngắn hạn		72.594.204	117.820.100
312 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		-	87.756.938.571
313 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	41.490.155	47.765.229
319 9. Phải trả ngắn hạn khác	14	49.275.318.294	56.804.906.752
322 12. Quỹ khen thưởng phúc lợi		1.478.712.098	587.398.219
330 II. Nợ dài hạn		28.444.150.079	28.444.150.079
337 7. Phải trả dài hạn khác	14	848.050.079	848.050.079
338 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	12	27.596.100.000	27.596.100.000
400 D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.049.548.384.782	1.018.361.390.897
410 I. Vốn chủ sở hữu	15	1.049.548.384.782	1.018.361.390.897
411 1. Vốn góp của chủ sở hữu		890.982.480.000	600.000.000.000
411a Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		890.982.480.000	600.000.000.000
412 2. Thặng dư vốn cổ phần		79.884.523.490	370.867.003.490
415 5. Cổ phiếu quỹ		(35.861.096.800)	(35.861.096.800)
420 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		587.398.219	587.398.219
421 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		113.955.079.873	82.768.085.988
421a LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		81.876.772.109	53.057.623.344
421b LNST chưa phân phối kỳ này		32.078.307.764	29.710.462.644
440 TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.128.860.649.612	1.192.120.369.847



Phan Thị Mến
Người lập biểu



Phạm Thị Thanh Huệ
Kế toán trưởng




Vũ Hiền

Chủ tịch Hội đồng quản trị
Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu	6 tháng đầu
		năm 2017	năm 2016
		VND	VND
01 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16	4.922.472.111	4.994.378.132
02 2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		4.922.472.111	4.994.378.132
11 4. Giá vốn hàng bán	17	4.927.887.013	4.890.244.734
20 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(5.414.902)	104.133.398
21 6. Doanh thu hoạt động tài chính	18	64.436.329.786	14.953.868.873
22 7. Chi phí tài chính	19	29.820.859.034	6.323.069.560
23 - Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25 8. Chi phí bán hàng		-	-
26 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	2.518.961.874	2.020.014.874
30 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		32.091.093.976	6.714.917.837
31 11. Thu nhập khác		40	384.438.278
32 12. Chi phí khác		12.786.252	42.545.455
40 13. Lợi nhuận khác		(12.786.212)	341.892.823
50 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		32.078.307.764	7.056.810.660
51 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành		-	-
52 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60 17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		<u>32.078.307.764</u>	<u>7.056.810.660</u>



Phan Thị Mến
Người lập biểu



Phạm Thị Thanh Huệ
Kế toán trưởng




Vũ Hiền


Chủ tịch Hội đồng quản trị
Người đại diện theo pháp luật
Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2017

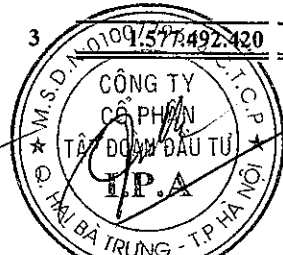
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ


*Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017
(Theo phương pháp gián tiếp)*

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu	6 tháng đầu
		năm 2017	năm 2016
		VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế	32.078.307.764	7.056.810.660
	2. Điều chỉnh cho các khoản		
02	- Khấu hao tài sản cố định	117.272.724	472.353.246
03	- Các khoản dự phòng	(5.202.552.565)	6.314.864.372
05	- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	(29.447.655.981)	(15.020.232.509)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	(2.454.628.058)	(1.176.204.231)
09	- Tăng/giảm các khoản phải thu	98.000.705.469	(1.868.241.642)
11	- Tăng/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	(87.803.579.399)	88.663.032.489
12	- Tăng/giảm chi phí trả trước	529.078.418	13.551.525
13	- Tăng/giảm chứng khoán kinh doanh	-	(397.226.262)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	-	(397.226.262)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	8.271.576.430	84.837.685.617
II. LƯU CHUYỂN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	-	100.000.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(48.500.000.000)	(39.350.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	12.024.453.000	4.691.960.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(5.400.000.000)	(6.085.840.749)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	17.309.369.139	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	7.841.706.945	14.956.638.321
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(16.724.470.916)	(25.687.242.428)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
34	4. Tiền trả nợ gốc vay	-	(60.660.681.528)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(7.534.448.600)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(7.534.448.600)	(60.660.681.528)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	(15.987.343.086)	(1.510.238.339)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	17.564.835.506	12.677.538.859
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3 11.577.492.420	11.167.300.520


Phan Thị Mến
Người lập biểu


Phạm Thị Thanh Huệ
Kế toán trưởng




Vũ Hiền
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2017

VI. S. D. N. V.
TẬP
HAI BÀ

109
C
ÁO
AN
/

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

1 . THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty CP Tập đoàn Đầu tư I.P.A được thành lập ngày 28/12/2007 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103021608 với số vốn điều lệ đăng ký là 600 tỷ đồng trên cơ sở chuyển đổi từ Công ty TNHH Đầu tư và Tài chính I.P.A - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 042493 do Sở kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 9/3/1998.

Ngày 31/12/2007, Công ty CP Tập đoàn Đầu tư I.P.A nhận sáp nhập với Công ty CP Đầu tư I.P.A theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103010725 do Sở kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 19/1/2006 với tỷ lệ sáp nhập là 1:1. Tại thời điểm nhận sáp nhập, vốn điều lệ thực góp của Công ty CP Tập đoàn Đầu tư I.P.A là 426.647.450.000 đồng, vốn điều lệ của Công ty CP Đầu tư I.P.A là 173.352.550.000 đồng, thặng dư vốn là 370,876 tỷ đồng. Sau khi sáp nhập thì vốn điều lệ của Công ty CP Tập đoàn Đầu tư I.P.A vẫn giữ nguyên là 600 tỷ đồng và thặng dư vốn phát sinh là 370,867 tỷ đồng.

Ngày 20/11/2008, Công ty CP Tập đoàn Đầu tư I.P.A nhận sáp nhập với Công ty CP Các đối tác Tài chính I.P.A theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 01030225325 do Sở kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 22/02/2008 với tỷ lệ sáp nhập là 1:1. Tại thời điểm nhận sáp nhập, vốn điều lệ thực góp của Công ty CP Tập đoàn Đầu tư I.P.A là 600.000.000.000 đồng và vốn điều lệ thực góp của Công ty CP Các đối tác Tài chính I.P.A là 59.999.800.000 đồng và do một cổ đông duy nhất là Công ty CP Tập đoàn Đầu tư I.P.A thực hiện góp vốn. Khi nhận sáp nhập thì Công ty CP Tập đoàn Đầu tư I.P.A không phát hành thêm cổ phần mới, vốn điều lệ của Công ty vẫn giữ nguyên là 600 tỷ đồng.

Ngày 14/02/2017, Công ty đăng ký thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 7, theo đó vốn điều lệ của Công ty tăng từ 600.000.000.000 đồng lên 890.982.480.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 1, phố Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 890.982.480.000 đồng, tương đương 89.098.248 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Đầu tư tài chính, hoạt động tư vấn quản lý.

Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là Đầu tư tài chính, kinh doanh bất động sản, đầu tư và kinh doanh năng lượng và các ngành nghề khác theo đăng ký doanh nghiệp.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kết hợp với các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các Công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết: Nếu các công ty con, công ty liên kết lập Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng thì căn cứ vào Báo cáo tài chính riêng/Báo cáo tài chính hợp nhất (nếu đơn vị nhận đầu tư là Công ty mẹ) của công ty con, công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Với các công ty con, công ty liên kết không lập báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng thì căn cứ vào Báo cáo tài chính riêng/Báo cáo tài chính hợp nhất (nếu đơn vị nhận đầu tư là Công ty mẹ) của công ty con, công ty liên kết tại thời điểm gần thời điểm trích lập dự phòng nhất. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|-----------------------|-------------|
| - Máy móc, thiết bị | 03 - 09 năm |
| - Phương tiện vận tải | 06 năm |
| - Thiết bị văn phòng | 04 - 10 năm |
| - Phần mềm quản lý | 03-08 năm |

2.9 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.10 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yêu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.11 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

2.12 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

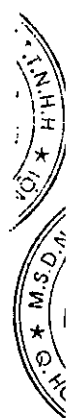
2.13 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.



Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.14 . Doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.15 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

2.16 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và phí lưu ký chứng khoán được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.17 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng	1.577.492.420	564.835.506
Các khoản tương đương tiền	-	17.000.000.000
	<u>1.577.492.420</u>	<u>17.564.835.506</u>

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Xem chi tiết Phụ lục 01

5 . PHẢI THU KHÁC

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
- Phải thu lãi tiền gửi, tiền cho vay	494.659.027	-	258.355.555	-
- Phải thu về cổ tức	-	-	3.679.009.181	-
- Phải thu tạm ứng thực hiện dự án Lũng Xuân	-	-	5.476.000.000	-
- Tạm ứng	452.236.404	-	487.283.370	-
- Phải thu khác	309.405.437	-	300.815.128	-
	1.256.300.868	-	10.201.463.234	-
b) Dài hạn				
- Ký cược, ký quỹ thực hiện Dự án tòa nhà văn phòng tại Tp Hồ Chí Minh (*)	1.800.000.000	-	1.800.000.000	-
	1.800.000.000	-	1.800.000.000	-

(*) Chi tiết về Dự án tại Thuyết minh số 8

6 . PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Ong Trung Ương	-	-	1.000.000.000	-
- Công ty CP Khoáng sản và Gang thép Kim Sơn (1)	150.000.000	-	150.000.000	-
- Công ty Cổ phần Thực phẩm Homefood (1)	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
- Công ty TNHH MTV Tài chính IPA (Thuyết minh 23a)	-	-	33.000.000.000	-
- Ông Lê Huy Hoàng (2)	37.500.000.000	-	-	-
- Các nhân viên công ty (1)	308.995.513	308.995.513	333.448.513	333.448.513
	38.958.995.513	308.995.513	35.483.448.513	333.448.513

(1) Khoản vay căn cứ vào các hợp đồng cho vay vốn giữa Công ty và Bên vay với thời hạn cho vay là 01 năm, không có lãi suất cho vay và tài sản đảm bảo khoản vay.

6 . PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN (tiếp theo)

(2) Hợp đồng cho vay đầu tư số 0906/2017/HĐVĐT ngày 09/06/2017 không kỳ hạn, lãi suất cho vay 10%/năm, khoản cho vay được đảm bảo bằng tài sản của bên vay.

7 . NỢ XẤU

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Phải thu về cho vay				
+ Bà Lê Thị Diệu Hồng	98.681.416	98.681.416	109.796.416	109.796.416
+ Bà Phạm Hồng Hoa	210.314.097	210.314.097	223.652.097	223.652.097
	<u>308.995.513</u>	<u>308.995.513</u>	<u>333.448.513</u>	<u>333.448.513</u>

8 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Dự án Tòa nhà văn phòng tại Tp Hồ Chí Minh (*)	5.564.717.571	5.564.717.571
- Chi phí giải phóng mặt bằng	5.200.000.000	5.200.000.000
- Chi phí tư vấn	364.717.571	364.717.571
	<u>5.564.717.571</u>	<u>5.564.717.571</u>

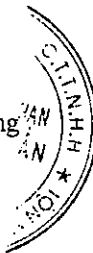
(*) Theo Thỏa thuận nguyên tắc ngày 26/04/2009 giữa Công ty và Công ty CP Cơ khí ngành In (CKI) về Hợp tác đầu tư khai thác tòa nhà tại khu đất 90 Pasteur, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Ngoài ra, Công ty đã đặt cọc chi phí di dời, giải phóng mặt bằng cho Công ty CP Cơ khí ngành In, số tiền 1,8 tỷ đồng (Thuyết minh số 5).

9 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Xem chi tiết Phụ lục 02

10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình là các chương trình phần mềm kế toán và phần mềm quản lý nghiệp vụ chứng khoán có tổng nguyên giá là 1.502.155.950 đồng, đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng.



11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Chi phí bảo hiểm	8.950.469	26.851.409
- Chi phí thuê văn phòng	23.318.175	23.318.182
	<u>32.268.644</u>	<u>50.169.591</u>
b) Dài hạn		
- Chi phí cải tạo văn phòng	971.920.205	1.483.097.676
	<u>971.920.205</u>	<u>1.483.097.676</u>

12 . VAY DÀI HẠN

Xem chi tiết Phụ lục 03

13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Xem chi tiết Phụ lục 04

14 . PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	56.518.294	51.658.112
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	49.218.800.000	56.753.248.600
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	40
	<u>49.275.318.294</u>	<u>56.804.906.752</u>
b) Dài hạn		
- Lãi vay phải trả Công ty Cổ phần Hòn Ngọc Á Châu (Thuyết minh số 12)	848.050.079	848.050.079
	<u>848.050.079</u>	<u>848.050.079</u>

15 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Xem chi tiết Phụ lục 05

15 . VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ %	Đầu kỳ VND	Tỷ lệ %
Công ty TNHH Quản lý Đầu tư H&H	478.965.000.000	53,76%	319.310.000.000	53,20%
Các cổ đông khác	412.017.480.000	46,24%	280.690.000.000	42,10%
	<u>890.982.480.000</u>	<u>100%</u>	<u>600.000.000.000</u>	<u>95%</u>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	600.000.000.000	600.000.000.000
- <i>Vốn góp tăng trong kỳ</i>	290.982.480.000	-
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	890.982.480.000	600.000.000.000

d) Cổ phiếu

	30/06/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	89.098.248	60.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	89.098.248	60.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	89.098.248	60.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	1.803.500	1.803.500
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.803.500	1.803.500
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	87.294.748	58.196.500
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	87.294.748	58.196.500
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ của công ty

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu (Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ)	587.398.219	587.398.219
	<u>587.398.219</u>	<u>587.398.219</u>

16 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ (Cho thuê văn phòng và tài sản)	4.922.472.111	4.994.378.132
	<u>4.922.472.111</u>	<u>4.994.378.132</u>

17 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp (Cho thuê văn phòng và tài sản)	4.927.887.013	4.890.244.734
	<u>4.927.887.013</u>	<u>4.890.244.734</u>

18 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	832.166.836	458.446.373
Lãi từ bán khoản đầu tư tại công ty con (*)	60.000.000.000	-
Lãi từ bán trái phiếu	37.328.550	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.566.834.400	14.495.422.500
	<u>64.436.329.786</u>	<u>14.953.868.873</u>

(*) Căn cứ Hợp đồng nguyên tắc số 01/2016/HĐQT ngày 01/06/2016 giữa Công ty và Công ty CP Chứng khoán Vndirect, số vốn góp chuyên nhượng là toàn bộ 100% vốn điều lệ của Công ty TNHH MTV quản lý quỹ đầu tư chứng khoán IPA.

19 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Lỗ do xác định giá trị khoản đầu tư khi mang đi góp vốn	34.988.673.805	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(9.170.813.058)	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	3.992.713.493	6.314.864.372
Chi phí tài chính khác	10.284.794	8.205.188
	<u>29.820.859.034</u>	<u>6.323.069.560</u>

20 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	19.958.093	1.045.455
Chi phí nhân công	1.854.539.963	1.106.447.860
Chi phí dự phòng	(24.453.000)	-
Thuế, phí, và lệ phí	5.000.000	5.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	588.902.115	740.664.141
Chi phí khác bằng tiền	75.014.703	166.857.418
	<u>2.518.961.874</u>	<u>2.020.014.874</u>

21 . CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	19.958.093	14.238.750
Chi phí nhân công	1.854.539.963	1.106.447.860
Chi phí khấu hao TSCĐ	117.272.724	472.353.246
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.036.047.700	5.206.200.309
Chi phí khác bằng tiền	419.030.407	111.019.443
	<u>7.446.848.887</u>	<u>6.910.259.608</u>

22 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản trong đương tiền	1.577.492.420	-	17.564.835.506	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	3.759.056.252	-	12.008.663.234	-
Các khoản cho vay	45.308.995.513	(308.995.513)	41.833.448.513	(333.448.513)
Đầu tư dài hạn	38.876.032.500	-	38.876.032.500	-
	<u>89.521.576.685</u>	<u>(308.995.513)</u>	<u>110.282.979.753</u>	<u>(333.448.513)</u>

22 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	27.596.100.000	27.596.100.000
Phải trả người bán, phải trả khác	50.195.962.577	57.770.776.931
	77.792.062.577	85.366.876.931

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2017			
Đầu tư dài hạn	-	38.876.032.500	38.876.032.500
	-	38.876.032.500	38.876.032.500
Tại ngày 01/01/2017			
Đầu tư dài hạn	-	38.876.032.500	38.876.032.500
	-	38.876.032.500	38.876.032.500

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

22 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2017			
Tiền và các khoản trong đương tiền	1.577.492.420	-	1.577.492.420
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.959.056.252	1.800.000.000	3.759.056.252
Các khoản cho vay	45.000.000.000	-	45.000.000.000
	<u>48.536.548.672</u>	<u>1.800.000.000</u>	<u>50.336.548.672</u>
Tại ngày 01/01/2017			
Tiền và các khoản trong đương tiền	17.564.835.506	-	17.564.835.506
Phải thu khách hàng, phải thu khác	10.208.663.234	1.800.000.000	12.008.663.234
Các khoản cho vay	41.500.000.000	-	41.500.000.000
	<u>69.273.498.740</u>	<u>1.800.000.000</u>	<u>71.073.498.740</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2017			
Vay và nợ	-	27.596.100.000	27.596.100.000
Phải trả người bán, phải trả khác	49.347.912.498	848.050.079	50.195.962.577
	<u>49.347.912.498</u>	<u>28.444.150.079</u>	<u>77.792.062.577</u>
Tại ngày 01/01/2017			
Vay và nợ	-	27.596.100.000	27.596.100.000
Phải trả người bán, phải trả khác	56.922.726.852	848.050.079	57.770.776.931
	<u>56.922.726.852</u>	<u>28.444.150.079</u>	<u>85.366.876.931</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

23 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

a) Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Góp vốn vào công ty con bằng công nợ phải thu về cho vay	33.000.000.000	-
Góp vốn bằng cổ phần tại công ty liên kết (Thuyết minh 4b)	15.816.376.195	-

24 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THỨC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

25 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh:

Công ty chỉ hoạt động trong lĩnh vực đầu tư tài chính, do đó Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Theo khu vực địa lý:

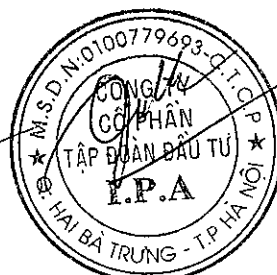
Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

26 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC soát xét.

Phan Thị Mến
Người lập biểu

Phạm Thị Thanh Huệ
Kế toán trưởng



Vũ Hiền

Chủ tịch Hội đồng quản trị
Người đại diện theo pháp luật
Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2017

Phụ lục 01 : CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	6.350.000.000	6.350.000.000	6.350.000.000	6.350.000.000
	6.350.000.000	6.350.000.000	6.350.000.000	6.350.000.000

Tại ngày 30/06/2017, khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 6,5%/năm tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Thanh Xuân theo Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 01/2016/HĐTGKH-IPA ngày 22/06/2016, hiệu lực từ ngày 22/06/2016 đến 22/06/2017. Hợp đồng được tự động gia hạn thêm 12 tháng nếu đến ngày đáo hạn Công ty không tất toán khoản tiền gửi.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty con				
Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán IPA (1)	1.045.896.808.183	(27.527.543.149)	1.044.224.820.683	(26.909.760.593)
Công ty Cổ phần Tư vấn Quản trị Tài chính IPA (2)	-	-	50.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Từ thiện Vạn Hạnh Việt Nam (3)	-	-	-	(2.088.867.587)
Công ty Cổ phần Hòn Ngọc Á Châu	163.384.752.200	-	163.384.752.200	-
Công ty Cổ phần Năng lượng Bắc Hà	224.358.875.266	-	224.358.875.266	-
Công ty Cổ phần Thực phẩm Homefood	17.972.280.000	(17.972.280.000)	17.972.280.000	(17.033.652.115)
Công ty TNHH Bất động sản AVIE (3)	28.421.987.500	(1.591.520.892)	7.300.000.000	-
Công ty TNHH MTV Tài chính IPA (4)	601.298.850.000	-	568.298.850.000	-
Công ty Cổ phần Cơ khí ngành In	10.360.063.217	(7.963.742.257)	10.360.063.217	(7.787.240.891)
Công ty CP Thương mại và Đầu tư IPA Cửu Long (5)	100.000.000	-	-	-
Đầu tư vào công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Ong Trung Ương (6)	7.596.330.703	-	58.401.380.703	(6.948.704.460)
Công ty Cổ phần Điện Nông thôn Trà Vinh	7.596.330.703	18.817.015.000	50.805.050.000	(6.948.704.460)
			7.596.330.703	32.257.740.000

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (tiếp theo)

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào đơn vị khác	46.376.032.500	(3.158.207.427)	46.376.032.500	(4.094.252.675)
Công ty Cổ phần Du lịch - Dịch vụ Hội An	38.876.032.500	-	38.876.032.500	27.189.500.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm ECO	7.500.000.000	(3.158.207.427)	7.500.000.000	(4.094.252.675)
	1.099.869.171.386	(30.685.750.576)	1.149.002.233.886	(37.952.717.728)

Đầu tư vào công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 30/06/2017 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Hòa Ngọc Á Châu	Phường Khuê Mỹ, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng	54,66%	54,66%	Đầu tư khách sạn nghỉ dưỡng
Công ty Cổ phần Năng lượng Bắc Hà	Thị trấn Bắc Hà, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai	74,46%	74,46%	Đầu tư dự án thủy điện
Công ty Cổ phần Thực phẩm Homefood	Số 26 Trần Trọng Bình, Nguyễn Du, Hai Bà Trưng, Hà Nội	89,86%	89,86%	Kinh doanh thực phẩm dinh dưỡng
Công ty TNHH Bất động sản AVIE (3)	Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Nguyễn Du, Hai Bà Trưng, Hà Nội	32,89%	72,64%	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
Công ty TNHH MTV Tài chính IPA (4)	Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Nguyễn Du, Hai Bà Trưng, Hà Nội	100,00%	100,00%	Đầu tư tài chính
Công ty Cổ phần Cơ khí ngành In	Số 102 A-B Hải Thượng Lãn Ông, Phường 10, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh	51,29%	51,29%	Lắp đặt các máy chuyên dụng, thiết bị ngành in; Sửa chữa máy móc, thiết bị ngành in; dịch vụ liên quan đến in; Sản xuất, nhập khẩu, bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp, vật tư và nguyên phụ liệu ngành in;
Công ty CP Thương mại và Đầu tư IPA Cửu Long (5)	Số 39 Lê Hồng Phong, Bình Thủy, Bình Thủy, Cần Thơ	100,00%	89,00%	Kinh doanh bất động sản

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (tiếp theo)

(3) Được đổi tên và chuyển đổi hình thức sở hữu từ Công ty TNHH MTV Học Viện IPA. Công ty đăng ký góp 72,64% vốn điều lệ Công ty TNHH Bất Động Sản Anvie. Tại ngày 30/06/2017, tỷ lệ vốn góp thực tế của Công ty là 32,89%.

Lí do thay đổi đối với từng khoản đầu tư vào công ty con:

- (1) Chuyển nhượng cho Công ty Cổ phần chứng khoán Vndirect theo Hợp đồng 94/2016/QĐ-HDQT ngày 30/12/2016.
- (2) Giải thể theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tư vấn Quản trị Tài chính IPA ngày 25/12/2015.
- (3) Trong kỳ, Công ty tiếp tục góp vốn vào Công ty TNHH Bất động sản AVIE.
- (4) Trong kỳ, Công ty tiếp tục góp vốn vào Công ty TNHH MTV Tài chính IPA, bằng chuyển đổi khoản cho vay thành vốn góp.
- (5) Công ty góp vốn thành lập Công ty CP Thương mại và Đầu tư IPA Cửu Long. Tại ngày 30/06/2017, tỷ lệ góp vốn thực tế của Công ty tại Công ty CP Thương mại và Đầu tư IPA Cửu Long là 100%.

Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 30/06/2017 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Điện Nông thôn Trà Vinh	Khóm 1 - Phường 9 - Thị xã Trà Vinh - Tỉnh Trà Vinh	20,36%	20,36%	Đầu tư xây dựng, phát triển các công trình điện; Kinh doanh mua bán điện, vật tư chuyên ngành điện; Thiết kế, thi công các công trình điện

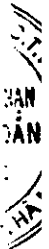
Lí do thay đổi đối với từng khoản đầu tư vào công ty liên kết:

(6) Công ty dùng toàn bộ cổ phần tại Công ty Cổ phần Ong Trung Ương để góp vốn vào Công ty TNHH Bất động sản AVIE (đoạn 3).

Đầu tư vào đơn vị khác

Thông tin chi tiết về các đơn vị nhận đầu tư khác của Công ty vào ngày 30/06/2017 như sau:

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
1. Công ty Cổ phần Du lịch - Dịch vụ Hội An	10 Trần Hưng Đạo, Tp Hội An, Tỉnh Quảng Nam	16,99%	16,99%	Kinh doanh dịch vụ ăn uống, lưu hành, vui chơi giải trí; vận tải hành khách
2. Công ty Cổ phần Dược phẩm ECO	148 Hoàng Hoa Thám, phường 12, quận Tân Bình, Tp.HCM	10,00%	10,00%	Bán lẻ, phân phối thuốc; Dịch vụ nhập khẩu ủy thác.



Phụ lục 02 : TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

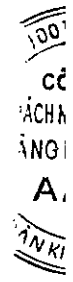
	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	1.930.000.000	415.454.545	1.010.324.279	3.355.778.824
Số dư cuối kỳ	<u>1.930.000.000</u>	<u>415.454.545</u>	<u>1.010.324.279</u>	<u>3.355.778.824</u>
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	627.249.787	135.022.719	1.010.324.279	1.772.596.785
Số tăng trong kỳ	96.499.998	20.772.726	-	117.272.724
- <i>Khấu hao trong kỳ</i>	96.499.998	20.772.726	-	117.272.724
Số dư cuối kỳ	<u>723.749.785</u>	<u>155.795.445</u>	<u>1.010.324.279</u>	<u>1.889.869.509</u>
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu kỳ	1.302.750.213	280.431.826	-	1.583.182.039
Tại ngày cuối kỳ	<u>1.206.250.215</u>	<u>259.659.100</u>	<u>-</u>	<u>1.465.909.315</u>

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết còn sử dụng: 1.020.324.079 VND

Phụ lục 03 : VAY DÀI HẠN

	01/01/2017		Trong kỳ		30/6/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Hòn Ngọc Á Châu (*)	27.596.100.000	27.596.100.000	-	-	27.596.100.000	27.596.100.000
	<u>27.596.100.000</u>	<u>27.596.100.000</u>	-	-	<u>27.596.100.000</u>	<u>27.596.100.000</u>
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	-	-	-	-	-	-
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	<u>27.596.100.000</u>	<u>27.596.100.000</u>			<u>27.596.100.000</u>	<u>27.596.100.000</u>

(*) Hợp đồng vay vốn Công ty Cổ phần Hòn Ngọc Á Châu ngày 24/11/2009, số tiền 33.206.100.000 đồng, không thời hạn, lãi suất 2%/năm; kể từ ngày 01/01/2011, áp dụng lãi suất 0%/năm trên số tiền còn nợ theo nội dung phụ lục II của hợp đồng vay vốn ngày 31/12/2010. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo; mục đích vay: để đầu tư kinh doanh.



Phụ lục 04 : THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2017		Trong kỳ		30/06/2017	
	Số phải thu	Số phải nộp	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Số phải thu	Số phải nộp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế Giá trị gia tăng	-	-	77.473	77.473	-	-
- Thuế Thu nhập cá nhân	-	47.765.229	175.301.012	181.576.086	-	41.490.155
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	5.000.000	5.000.000	-	-
	-	47.765.229	180.378.485	186.653.559	-	41.490.155

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Phụ lục 05 : BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Cổ phiếu quỹ	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng
	VND	VND	VND	VND		VND	VND	VND	VND	
Số dư đầu kỳ trước	600.000.000.000	370.867.003.490	(35.861.096.800)	-	-	54.232.419.782	989.238.326.472			
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	-	7.056.810.660	7.056.810.660			
Số dư cuối kỳ trước	600.000.000.000	370.867.003.490	(35.861.096.800)	-	-	61.289.230.442	996.295.137.132			
Số dư đầu kỳ này	600.000.000.000	370.867.003.490	(35.861.096.800)	-	-	82.768.085.988	1.018.361.390.897			
Tăng vốn trong kỳ này (*)	290.982.480.000	-	-	-	-	-	290.982.480.000			
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-	32.078.307.764	32.078.307.764			
Phân phối lợi nhuận (**)	-	-	-	-	-	(891.313.879)	(891.313.879)			
Thương cho cổ đông hiện hữu (*)	-	(290.982.480.000)	-	-	-	-	(290.982.480.000)			
Số dư cuối kỳ này	890.982.480.000	79.884.523.490	(35.861.096.800)	-	-	587.398.219	1.049.548.384.782			

(*) Theo Nghị quyết số 87/2016/NQ-HĐQT ngày 12 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng quản trị, thông qua việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần theo phương án phát hành cổ phiếu thưởng với tỷ lệ 50% (cổ đông sở hữu mỗi 02 cổ phiếu được quyền nhận 01 cổ phiếu phát hành thêm), nguồn từ thặng dư vốn cổ phần của Công ty. Tổng số cổ phiếu đã phát hành thêm là 29.098.248, số cổ phiếu này đã chính thức được lưu hành từ ngày 20/03/2017.

(**) Theo Nghị quyết số 53/2017/NQ-HĐQT ngày 31 tháng 05 năm 2017 của Hội đồng quản trị, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2016 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
Lợi nhuận sau thuế		VND
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3% LNST	29.710.462.644
		891.313.879

